

Bản án số: 766/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30/12/2020
V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thúy Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Yên;

Ông Nguyễn Hữu Đệ.

T ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hà – T ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 560/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020.

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị H1**, sinh năm 1986.

Hộ khẩu tH1 trú và nơi ở: Thôn N, xã Kim C, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu H2**, sinh năm 1984.

Hộ khẩu tH1 trú và nơi ở: Thôn N, xã Kim C, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị H1;

Vắng mặt: Anh H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị H1 trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Hoàng Thị H1 và anh Nguyễn Hữu H2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trước và Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim C, huyện Đ, thành phố Hà Nội ngày 06/12/2008. Sau khi kết hôn, chị H1, anh H2 cùng chung sống tại thôn N, xã Kim C, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng bình Tòng, hòa thuận . Tuy nhiên, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh H2 đi ngoại tình với nhiều người khác nhau. Bản thân chị và gia đình hai bên đã khuyên bảo để anh H2 sửa chữa nhiều lần nhưng anh

H2 vẫn không thay đổi. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H1 đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh H2.

- **Về con chung:** Chị H1, anh H2 có 02 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 31/7/2009 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 24/7/2012.

Hiện nay, cả hai con chung đều đang ở với chị H1, anh H2 tại thôn N, xã Kim C, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Hiện tại chị H1 làm kế toán tại Công ty TNHH Matsuo Industries Vietnam, thu nhập vào khoảng 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/tháng. Anh H2 hiện không có công ăn việc làm, không có thu nhập ổn định.

Trường hợp ly hôn, chị H1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu T, cháu Đ. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị H1 không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con chung cho mình, tuy nhiên nếu anh H2 thực hiện việc cấp dưỡng thì chị nhận.

- **Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung:** Chị H1 đã được Tòa án giải thích pháp luật về quyền lợi và nghĩa vụ của mình đối với vấn đề tài sản nhưng chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Hữu H2 trình bày:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh H2, chị H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu; có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim C, Đ, Hà Nội vào ngày 06/12/2008. Sau khi kết hôn, anh H2, chị H1 cùng chung sống tại thôn N, xã Kim C, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Nay chị H1 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh H2 đồng ý để mỗi người được ổn định cuộc sống riêng.

- **Về con chung:** Anh H2, chị H1 có 02 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 31/7/2009 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 24/7/2012. Hiện nay cả hai cháu Đ và cháu T đang ở cùng với anh chị tại thôn N, xã Kim C, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Ly hôn, anh H2 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải Đ, để chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh T; mỗi người nuôi một con chung, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Anh H2 không đồng ý với nguyện vọng của chị H1 được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung vì anh hiện làm nghề tự do, thu nhập trung bình khoảng 15.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện để được nuôi con.

- **Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung :** Anh H2 đã được Tòa án giải thích pháp luật về quyền lợi và nghĩa vụ của anh đối với vấn đề tài sản nhưng anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận được với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H2 đồng ý ly hôn với chị H1 với hai nguyện vọng. Nguyện vọng thứ nhất, anh H2 đồng ý ly hôn và anh H1 lại toàn bộ tài sản cho vợ anh là chị H1. Nguyện vọng thứ hai, anh H2 đồng ý ly hôn nhưng vợ chồng mỗi người nuôi 01 con chung, cụ thể

anh H2 nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hải Đ, chị H1 nuôi dưỡng con chung Nguyễn Anh T.

** Bà Nguyễn Thị T – mẹ đẻ của chị Hoàng Thị H1 trình bày tại biên bản xác minh ngày 19/11/2020 như sau:*

Chị H1 là con đẻ của bà. Năm 2008, chị H1 và anh H2 kết hôn và Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim C, Đ, Hà Nội. Sau khi kết hôn, bà T đồng ý để chị H1, anh H2 sống trên phần đất của gia đình bà tại thôn N, Kim C, Đ, Hà Nội từ sau ngày cưới đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng chị H1 có xảy ra mâu thuẫn. Bà T xác định anh H2 là người có lỗi, bà đề nghị Tòa án cho anh chị được ly hôn.

Bà T xác định chị H1, anh H2 có 02 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 31/7/2009 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 24/7/2012. Hiện nay cả hai cháu có sức khỏe tốt và đang đi học tại trường Tiểu học Kim C. Bà đề nghị Tòa án xem xét cho chị H1 được nuôi dưỡng cả hai con chung và tạo điều kiện về vật chất, nơi ở cho chị H1 để chăm sóc con chung như nơi ở, chăm sóc cháu ngoại.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị H1, anh H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bà không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị H1 giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H2. Về con chung: Chị H1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Nguyễn Anh T và Nguyễn Hải Đ. Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên nếu anh H2 thực hiện cấp dưỡng thì chị nhận. Tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, T ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Phiên tòa diễn ra công khai, dân chủ, đề cập đến mọi vấn đề PH2 giải quyết trong vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Tòa án tuyên :

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

+ Về con chung: Giao cả hai con chung cho chị H1 nuôi dưỡng, tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh H2 do chị H1 không yêu cầu cho đến khi có quyết định khác của Tòa án.

+ Về án phí: Vụ án áp dụng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]**Về tố tụng**: Chị H1 yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật dân sự. Anh H2 có nơi cư trú tại địa bàn huyện Đ, như vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục giải quyết vắng mặt bị đơn: Anh Nguyễn Hữu H2 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh H2 vắng mặt. Tại phiên tòa, anh H2 vắng mặt đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H2.

[2]Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H1, anh H2 kết hôn ngày 06/12/2008 trên cơ sở tự nguyện và có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim C, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng không hòa thuận, tH1 xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà T mẹ đẻ của chị H1 cũng khẳng định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H1, anh H2 đã trầm trọng và kéo dài. Tại biên bản xác minh tại UBND xã Kim C ngày 19/11/2020 đều cho thấy vợ chồng chị H1, anh H2 có mâu thuẫn, anh H2 có nhiều mối quan hệ phức tạp với người khác giới. Chị H1 đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị. Anh H2 cũng đồng ý ly hôn với chị H1.

Xét thấy, mâu thuẫn của chị H1, anh H2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không được. Chị H1 yêu cầu ly hôn với anh H2 là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Anh H2, chị H1 có 02 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 31/7/2009 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 24/7/2012. Hiện tại cả hai cháu đang ở cùng mẹ và bà ngoại. Chị H1 có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung là cháu T, cháu Đ. Anh H2 không đồng ý, anh H2 cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Đ để chị H1 nuôi dưỡng cháu T.

Xét thấy, cả hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi con chung, nguyện vọng của anh chị là chính đáng. Tuy nhiên, giao con chung cho ai nuôi cần xem xét đến điều kiện nuôi con và nguyện vọng của con chung.

Xét về điều kiện nuôi dưỡng con chung của anh H2, chị H1, nhận thấy: Chị H1 hiện đang làm kế toán tại Công ty Matsuo Industries Vietnam, có thu nhập ổn định từ

khoảng 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/ tháng; hiện chị H1 sống cùng 02 con chung sống trên đất của mẹ đẻ chị là bà Nguyễn Thị T tại thôn N, Kim C, Đ, Hà Nội. Anh H2 không có nhà, đất riêng mà ở rể trên đất nhà bà T (mẹ đẻ của chị H1), anh H2 làm lao động tự do, mức thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng anh đưa ra không có căn cứ chứng minh.

Các con chung có nguyện vọng ở với chị H1.

Do vậy, để đảm bảo quyền lợi và điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ em, giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 31/7/2009 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 24/7/2012 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H2 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H1 không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh H2 cho đến khi có thay đổi khác.

Về tài sản chung: Chị H1, anh H2 không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

[3]**Về án phí**: Nguyên đơn pH2 chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]**Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 56; Điều 81, Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, 35, 39; Điều 203, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị H1 với anh Nguyễn Hữu H2, cho chị H1 được ly hôn với anh H2.

Về con chung: Giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 31/7/2009 và cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 24/7/2012 cho chị Hoàng Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành hoặc Tòa án có quyết định khác. Anh Nguyễn Hữu H2 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị H1 không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh H2 cho đến khi có thay đổi khác.

Về tài sản chung: Chị H1, anh H2 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H1 pH2 chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0017686 ngày 05/10/2020. Chị H1 đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh H2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm

- VKSND thành phố Hà Nội
- VKSND quận huyện Đ;
- Ủy ban nhân dân xã Kim C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thúy Hà

